

# Hướng dẫn soạn thảo đơn đăng ký sáng chế



TỔ CHỨC  
SỞ HỮU  
TRÍ TUỆ  
THẾ GIỚI

**Giới hạn trách nhiệm:** Thông tin trong Tài liệu hướng dẫn này không nhằm thay thế ý kiến tư vấn pháp lý chuyên nghiệp. Mục đích chính của Tài liệu này chỉ là cung cấp thông tin cơ bản về sở hữu trí tuệ.

Ấn phẩm được dịch và xuất bản với sự cho phép của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), chủ sở hữu quyền tác giả đối với bản gốc (tiếng Anh) của ấn phẩm. Do vậy, WIPO không có nghĩa vụ hay trách nhiệm gì liên quan đến sự chính xác của bản dịch này, mà nghĩa vụ và trách nhiệm đó thuộc về Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam.

Quyền tác giả đối với bản tiếng Việt thuộc Cục Sở hữu trí tuệ (2013). WIPO sở hữu quyền tác giả đối với bản gốc bằng tiếng Anh.

Nghiêm cấm việc tái bản hoặc truyền tải nội dung bất kỳ của Ấn phẩm dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào, dù là bằng phương tiện điện tử hay cơ học, nếu không được sự cho phép bằng văn bản của chủ sở hữu, trừ trường hợp được pháp luật cho phép.

# Hướng dẫn soạn thảo đơn đăng ký sáng chế

## LỜI MỞ ĐẦU

Bốn năm trước, để đáp ứng yêu cầu của các quốc gia thành viên, Ban Thư ký WIPO đã bắt đầu nghiên cứu sự ảnh hưởng của việc thiếu chuyên gia soạn thảo đơn đăng ký sáng chế ở các quốc gia đang phát triển đến việc sử dụng hệ thống sở hữu trí tuệ của tác giả sáng chế và khả năng hưởng lợi từ các lợi ích vật chất của sở hữu trí tuệ nói chung. Các nghiên cứu và phân tích đã khẳng định sự cần thiết phải nâng cao năng lực trong lĩnh vực này – một nhu cầu ngày càng tăng thông qua số lượng yêu cầu của các nước gửi đến WIPO về việc tổ chức các chương trình đào tạo về soạn thảo đơn đăng ký sáng chế. Tài liệu “Hướng dẫn soạn thảo đơn đăng ký sáng chế” được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu nêu trên. Tài liệu được xây dựng bởi các chuyên gia trong lĩnh vực sáng chế và được sử dụng thử nghiệm tại nhiều chương trình đào tạo trước khi công bố chính thức. Tài liệu sẽ hỗ trợ tác giả sáng chế và những người/tổ chức cung cấp dịch vụ có được những kỹ năng cần thiết để soạn thảo và nộp đơn đăng ký sáng chế, bao gồm kỹ năng soạn thảo yêu cầu bảo hộ nhằm xác định phạm vi và mức độ bảo hộ của sáng chế.

WIPO chân thành cảm ơn sự nỗ lực của tác giả chính viết Tài liệu này - ông Thomas Ewing (Hoa Kỳ), trong việc chia sẻ những kiến thức của mình với tư cách là một đại diện sáng chế và những đóng góp liên tục của ông trong việc chuẩn bị tài liệu và giảng bài tại các khóa đào tạo theo nội dung của Tài liệu này, và những đóng góp của các ông/bà Carlos Olarte (Cô-lôm-bi-a), Kanika Radhakrishnan (Ấn Độ và Hoa Kỳ), Markus Engelhard (Đức), Wendy Herby (Hoa Kỳ), Giáo sư Karuna Jain (Ấn Độ), Emmanuel Jelsch (Thụy Sĩ), Sorin Schneider (Thụy Sĩ), Douglas Weinstein (Hoa Kỳ), Takashi Fujita (Nhật Bản), Karl Rackette (Đức), Samuel Le Cacheux (Pháp), Valérie Gallois (Pháp), Albert Jacobs (Hoa Kỳ) cũng như các cán bộ của WIPO. WIPO cũng cảm ơn Mạng lưới học giả quốc tế Geneva (GIAN) đã hỗ trợ tài chính cho việc xây dựng và thử nghiệm Tài liệu này và các tài liệu đào tạo có liên quan.

WIPO cũng cảm ơn các quốc gia thành viên đã tạo điều kiện để sử dụng thử nghiệm Tài liệu này và các tài liệu giảng dạy có liên quan, gồm Cameroon, Cô-lôm-bi-a, Ấn Độ, Ma-rốc và Singapore.

Hy vọng, Tài liệu này sẽ là một công cụ có hiệu quả đối với các quốc gia thành viên muốn củng cố, hoàn thiện và nâng cao năng lực nhằm hỗ trợ các tác giả sáng chế bảo hộ tài sản trí tuệ của họ thông qua việc soạn thảo các đơn đăng ký sáng chế một cách hoàn thiện.

## Mục Lục

<b>I. QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ - TỔNG QUAN</b>	<b>6</b>
<b>II. BẢNG ĐỌC QUYỀN SÁNG CHẾ</b>	<b>11</b>
<b>A. TỔNG QUAN VỀ BẢNG ĐỌC QUYỀN SÁNG CHẾ</b>	<b>11</b>
1. Bảng đọc quyền sáng chế là gì?	11
2. Đối tượng bảo hộ sáng chế là gì?	13
a. Thiết bị và sản phẩm	15
b. Quy trình/phương pháp sản xuất	15
c. Thành phần và chế phẩm hóa học	15
d. Phân lập và mã hóa phân tử	15
e. Sinh vật di truyền/trình tự gen	15
f. Chương trình máy tính	16
g. Sự cải tiến	16
3. Tại sao sáng chế lại quan trọng	16
a. Nguồn thu nhập	16
b. Lợi ích tiếp thị	17
c. Công cụ để thương lượng	17
d. Kiểm soát/gây ảnh hưởng đến ngành công nghiệp	17
e. Sử dụng phòng vệ	17
<b>B. CÁC YÊU CẦU PHÁP LÝ VỀ BẢO HỘ SÁNG CHẾ</b>	<b>20</b>
1. Tính mới	20
2. Tính hữu ích/khả năng áp dụng công nghiệp	21
3. Tính không hiển nhiên/trình độ sáng tạo	22
<b>C. DỰ BÁO KHẢ NĂNG BẢO HỘ THÔNG QUA TRA CỨU TÌNH TRẠNG KỸ THUẬT ĐÃ BIẾT</b>	<b>25</b>
1. Tình trạng kỹ thuật là gì?	25
2. Tầm quan trọng của việc tra cứu tình trạng kỹ thuật	25
3. Cách thức tra cứu tình trạng kỹ thuật	26
4. Các hệ thống phân loại sáng chế	26
5. Tra cứu ở đâu	27
<b>III. CHUẨN BỊ VÀ NỘP ĐƠN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ</b>	<b>29</b>
<b>IV. CHUẨN BỊ ĐƠN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ</b>	<b>29</b>
1. Thu nhận thông tin từ tác giả sáng chế	31
2. Xác định sáng chế có khả năng bảo hộ	32
3. Hiểu về sáng chế	32
<b>A. CÁC NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐƠN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ</b>	<b>33</b>
1. Yêu cầu bảo hộ	34
2. Mô tả chi tiết hoặc mô tả sáng chế	35
3. Hình vẽ	38

4. Tình trạng kỹ thuật của sáng chế	40
5. Tóm tắt về sáng chế	41
6. Bản chất kỹ thuật của sáng chế	42
<b>B. NỘP ĐƠN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ</b>	<b>44</b>
1. Nộp đơn quốc gia/đơn ưu tiên	44
2. Nộp đơn ở nước ngoài	45
3. Phí và lệ phí nộp đơn	46
4. Yêu cầu về nộp đơn ở các nước cụ thể	47
a. Nộp đơn theo Công ước sáng chế châu Âu	48
b. Nộp đơn tại Cơ quan Sáng chế và Nhân hiệu Hoa Kỳ	49
c. Nộp đơn theo Hiệp ước Hợp tác về sáng chế	50
5. So sánh quy định pháp luật và các yêu cầu về việc nộp đơn	55
<b>V. THEO DUỔI ĐƠN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ</b>	<b>59</b>
<b>A. TRẢ LỜI THÔNG BÁO CỦA CƠ QUAN SÁNG CHẾ</b>	<b>61</b>
<b>B. SOẠN THẢO VĂN BẢN PHẢN HỐI</b>	<b>61</b>
<b>C. LÀM CHO ĐIỂM YÊU CẦU BẢO HỘ ĐƯỢC CHẤP NHẬN</b>	<b>62</b>
<b>D. THỦ TỤC PHẢN ĐỐI</b>	<b>65</b>
<b>E. CẤP BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ</b>	<b>65</b>
<b>VI. SOẠN THẢO YÊU CẦU BẢO HỘ</b>	<b>67</b>
<b>A. LÝ THUYẾT VỀ YÊU CẦU BẢO HỘ</b>	<b>67</b>
<b>B. HÌNH THỨC CỦA YÊU CẦU BẢO HỘ</b>	<b>68</b>
1. Các nội dung chính của yêu cầu bảo hộ	68
2. Yêu cầu bảo hộ hai phần hoặc yêu cầu bảo hộ cải tiến	72
3. Yêu cầu bảo hộ dạng phương tiện công chức năng	73
4. Phép chấm câu trong yêu cầu bảo hộ	74
5. Mạo từ phù hợp	75
6. Số chỉ dẫn từ ngữ đặt trong dấu ngoặc đơn	75
7. Cụm từ trong yêu cầu bảo hộ	76
8. Đa dấu hiệu	77
9. Các dấu hiệu thay thế lẫn nhau	77
<b>C. CÁC LOẠI YÊU CẦU BẢO HỘ</b>	<b>78</b>
1. Điểm yêu cầu bảo hộ độc lập	78
2. Điểm yêu cầu bảo hộ phụ thuộc	79
3. Điểm yêu cầu bảo hộ phụ thuộc nhiều điểm	82
<b>VII. CÁC DẠNG YÊU CẦU BẢO HỘ CỤ THỂ</b>	<b>84</b>
<b>A. YÊU CẦU BẢO HỘ ĐỐI VỚI DỤNG CỤ HOẶC THIẾT BỊ</b>	<b>84</b>
<b>B. YÊU CẦU BẢO HỘ ĐỐI VỚI PHƯƠNG PHÁP HOẶC QUY TRÌNH</b>	<b>85</b>
<b>C. YÊU CẦU BẢO HỘ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM THU ĐƯỢC TỪ QUY TRÌNH</b>	<b>86</b>
<b>D. YÊU CẦU BẢO HỘ ĐỐI VỚI KẾT QUẢ CẦN ĐẠT ĐƯỢC VÀ THÔNG SỐ</b>	<b>86</b>
<b>E. YÊU CẦU BẢO HỘ ĐỐI VỚI KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP</b>	<b>87</b>



F. YÊU CẦU BẢO HỘ ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG	87
G. YÊU CẦU BẢO HỘ ĐỐI VỚI CHẾ PHẨM	87
H. YÊU CẦU BẢO HỘ ĐỐI VỚI CÔNG NGHỆ SINH HỌC	88
I. YÊU CẦU BẢO HỘ DẠNG SỬ DỤNG	88
J. YÊU CẦU BẢO HỘ ĐỐI VỚI PHẦN MỀM MÁY TÍNH	89
K. YÊU CẦU BẢO HỘ DẠNG OMNIBUS	89

## VIII. CÁCH THỨC SOẠN THẢO YÊU CẦU BẢO HỘ 91

A. CHUẨN BỊ CÁC ĐIỂM YÊU CẦU BẢO HỘ TRƯỚC TIÊN	91
B. YÊU CẦU BẢO HỘ HẸP VÀ RỘNG	91
C. SỰ RÕ RÀNG, LỰA CHỌN TỪ NGỮ TRONG YÊU CẦU BẢO HỘ VÀ SỰ THIỂU NHẤT QUÁN	94
D. CÁC BIẾN THỂ CỦA YÊU CẦU BẢO HỘ VÀ CÁC BIẾN THỂ CỦA SÁNG CHẾ	97
E. TRÁNH CÁC GIỚI HẠN KHÔNG CẦN THIẾT	98
F. GIỚI HẠN PHỦ ĐỊNH VÀ LOẠI TRỪ	99
G. YÊU CẦU BẢO HỘ VÀ CÁC SẢN PHẨM CẠNH TRANH	99
H. YÊU CẦU BẢO HỘ PHẢI VƯỢT QUA TÌNH TRẠNG KỸ THUẬT ĐÃ BIẾT	99
I. SỬ DỤNG NHIỀU DẠNG YÊU CẦU BẢO HỘ TRONG CÙNG MỘT SÁNG CHẾ	99
J. ĐẢM BẢO RẰNG PHẦN MÔ TẢ CỦA BẢN MÔ TẢ PHẢI HỖ TRỢ CHO YÊU CẦU BẢO HỘ	100
K. TÍNH THỐNG NHẤT CỦA SÁNG CHẾ	101
L. Ý TƯỞNG CỦA YÊU CẦU BẢO HỘ	103
M. THU HẸP YÊU CẦU BẢO HỘ TRONG QUÁ TRÌNH THEO ĐUỔI ĐƠN	106
N. CÁC ĐỐI TƯỢNG LOẠI TRỪ KHÔNG ĐƯỢC BẢO HỘ ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ/ĐỐI TƯỢNG LOẠI TRỪ	107
O. YÊU CẦU VỀ KHẢ NĂNG ÁP DỤNG CÔNG NGHIỆP	110
P. “BIẾT” YÊU CẦU BẢO HỘ SÁNG CHẾ DỰA TRÊN MỘT CÁI GÌ ĐÓ	112
Q. GIẢI THÍCH YÊU CẦU BẢO HỘ TẠI TÒA ÁN	113

## IX. CHIẾN LƯỢC NỘP ĐƠN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ 115

A. BẢO HỘ SÁNG CHẾ NHẪM CHỦ ĐỘNG TẤN CÔNG ĐỐI THỦ CẠNH TRANH	116
B. BẢO HỘ SÁNG CHẾ PHÒNG VỆ NHẪM TRÁNH HÀNH VI XÂM PHẠM CỦA NGƯỜI KHÁC	117
C. KỸ THUẬT NÉ XÂM PHẠM ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ	118

## X. TỔ CHỨC, ĐÀO TẠO VÀ KHÍCH LỆ ĐỘI NGŨ KỸ THUẬT 120

A. ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN BÁN HÀNG HIỂU ĐƯỢC TẦM QUAN TRỌNG CỦA SÁNG CHẾ VÀ XÂY DỰNG DANH MỤC SÁNG CHẾ TẦM QUAN TRỌNG CỦA BẢNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ	120
B. ĐÀO TẠO CÁC NHÀ KHOA HỌC/NHÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ HIỂU ĐƯỢC ĐỐI TƯỢNG CÓ THỂ BẢO HỘ SÁNG CHẾ, AI CÓ THỂ LÀ ĐỒNG TÁC GIẢ SÁNG CHẾ VÀ CHUẨN BỊ TÀI LIỆU BỘC LỘ SÁNG CHẾ	122
C. THÀNH LẬP ỦY BÀN SÁNG CHẾ NỘI BỘ ĐỂ ĐỊNH KỲ RÀ SOÁT VIỆC BỘC LỘ SÁNG CHẾ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC ĐỐI TƯỢNG NÊN ĐĂNG KÝ BẢO HỘ SÁNG CHẾ	123
D. CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN KHÍCH TÁC GIẢ SÁNG CHẾ TẠO RA VÀ BÁO CÁO VỀ SÁNG CHẾ	124
E. ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP	125

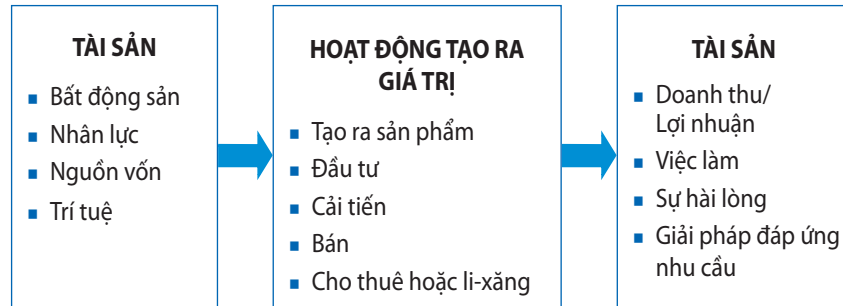
PHỤ LỤC A: HƯỚNG DẪN TRA CỨU CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU SÁNG CHẾ	128
---	-----

PHỤ LỤC B: ĐƠN MẪU VỀ BỘC LỘ SÁNG CHẾ	130
---------------------------------------	-----

CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ	133
--------------------	-----

## I. QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ - TỔNG QUAN

Sở hữu trí tuệ (SHTT) là tên gọi chung dùng để chỉ sáng chế, nhãn hiệu, quyền tác giả, kiểu dáng công nghiệp và các loại tài sản vô hình khác được hình thành từ hoạt động sáng tạo của trí tuệ và hiểu theo nghĩa rộng nhất thì chúng không tồn tại ở dạng vật chất bất kỳ.



Giống như các loại tài sản khác, sở hữu trí tuệ cũng được sở hữu và có thể tạo ra thu nhập. Do đó, có thể coi sở hữu trí tuệ là một tài sản. Sở hữu trí tuệ thường là kết quả của sự đầu tư và sẽ tạo ra lợi nhuận dưới dạng này hay dạng khác. Sở hữu trí tuệ khác với các loại tài sản khác vì nó không có hình dạng và không tồn tại ở dạng vật chất bất kỳ vì đó là trí tuệ, là sự sáng tạo và tưởng tượng của con người.

Có nhiều loại quyền sở hữu trí tuệ khác nhau và mỗi loại được điều chỉnh bởi các quy định pháp luật riêng biệt. Thông thường, quyền sở hữu trí tuệ được chia thành hai nhánh, gồm “quyền sở hữu công nghiệp” và “quyền tác giả”. Quyền sở hữu công nghiệp gồm các loại tài sản được tạo ra chủ yếu nhằm mục đích cải tiến công nghệ, công nghiệp và thương mại như sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa, nhãn hiệu dịch vụ, bí mật thương mại và chỉ dẫn địa lý<sup>1</sup>. Các loại quyền sở hữu trí tuệ chủ yếu bao gồm:

**Sáng chế:** Bằng độc quyền sáng chế là một văn bản pháp lý trao cho chủ sở hữu độc quyền kiểm soát việc sử dụng sáng chế, như được xác định tại yêu cầu bảo hộ, ở một khu vực địa lý nhất định và trong một thời hạn nhất định nhằm ngăn cấm người khác sản xuất, sử dụng hay bán sáng chế mà không được phép của chủ sở hữu. Ví dụ, bằng độc quyền sáng chế có thể được cấp cho sản phẩm tích điện (pin/ắc quy) có khả năng tích trữ hiệu quả năng lượng mặt trời vô thời hạn mà không bị thất thoát, hay cấp cho vắc xin điều trị bệnh sốt rét hoặc một hợp chất mới giúp sản xuất phân bón từ xương cá.

**Kiểu dáng công nghiệp:** Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp cho phép chủ sở hữu kiểm soát việc khai thác các yếu tố trang trí của sản phẩm, như kiểu dáng mới của một chiếc xe hơi thể thao, vỏ nhựa có tính độc đáo của chiếc máy vi tính hay hình dạng độc đáo của chai nước ngọt.

**Nhãn hiệu hàng hóa:** Độc quyền nhãn hiệu hàng hóa cho phép chủ sở hữu khẳng định nguồn gốc của hàng hóa với công chúng. Ví dụ, nhãn hiệu hàng hóa bao gồm tên gọi của sản phẩm có tính phân biệt như Nando’s® hoặc Coca Cola® hoặc biểu trưng như ngôi sao ba cánh của hãng xe hơi Mercedes Benz®.

**Nhãn hiệu dịch vụ:** Độc quyền nhãn hiệu dịch vụ cho phép chủ sở hữu xác nhận nguồn gốc của dịch vụ với công chúng, ví dụ, nhãn hiệu “Cheques for Two”.

**Quyền tác giả:** Quyền tác giả bảo hộ sự thể hiện nguyên gốc và “tác phẩm của tác giả”. Người tạo ra tác phẩm được gọi là tác giả. Ví dụ, những tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả bao gồm tác phẩm hội họa, nhiếp ảnh, âm nhạc, khiêu vũ, thơ ca, văn học, v.v. Ngoài ra, quyền tác giả cũng bảo hộ một số sản phẩm có đặc điểm kỹ thuật nguyên gốc như phần mềm máy tính, bản mô tả sáng chế và các tư liệu có liên quan.

1. Điều 1(2) của Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công nghiệp (Văn kiện Stockholm năm 1967) quy định: “Đối tượng bảo hộ sở hữu công nghiệp bao gồm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa, nhãn hiệu dịch vụ, tên thương mại, chỉ dẫn nguồn gốc hoặc tên gọi xuất xứ và chống cạnh tranh không lành mạnh”.



Điểm khác biệt giữa quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp là quyền tác giả không yêu cầu phải đăng ký bảo hộ với cơ quan có thẩm quyền để chống lại các hành vi sử dụng trái phép. Ngược lại, quyền sở hữu công nghiệp phải đăng ký và được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền để được công nhận và thực thi. Về mặt lý thuyết, ai cũng có thể chuẩn bị đơn đăng ký sáng chế hoặc nhãn hiệu, nhưng trên thực tế thì chỉ các chuyên gia, bao gồm các luật sư (luật sư sáng chế) hoặc các chuyên gia kỹ thuật (còn được gọi là “đại diện sáng chế” hoặc “kỹ sư sáng chế”) mới soạn thảo đơn đăng ký sáng chế và nộp cho cơ quan có thẩm quyền vì những đơn này là rất phức tạp về mặt kỹ thuật và thủ tục.

*Tài liệu này chỉ đề cập đến các vấn đề liên quan đến sáng chế và cách thức nộp đơn và đăng ký sáng chế. Mục đích của Tài liệu là giúp người đọc hiểu được một cách tổng thể về các kỹ năng cần thiết để viết/soạn thảo/chuẩn bị đơn đăng ký sáng chế, việc nộp đơn và giao dịch với cơ quan có thẩm quyền để được bảo hộ độc quyền sáng chế. Do pháp luật cũng như thực tiễn giữa các quốc gia và khu vực là khác nhau đáng kể nên người đọc cũng cần xem xét và hiểu rõ những yêu cầu cụ thể của các hệ thống pháp luật liên quan đến khách hàng của mình. Cần lưu ý rằng trong Tài liệu này, thuật ngữ “đại diện sáng chế” (patent agent) sẽ được sử dụng thường xuyên. Thuật ngữ này không dùng theo khía cạnh nghĩa kỹ thuật để chỉ nghề nghiệp được cơ quan có thẩm quyền cho phép nhằm đại diện cho tác giả sáng chế trong những trường hợp cụ thể, mà dùng như một thuật ngữ chung để chỉ những người soạn thảo đơn đăng ký sáng chế (kể cả tác giả sáng chế, người soạn thảo đơn đăng ký sáng chế nghiệp dư, đại diện sáng chế và luật sư sáng chế).*

## NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ SÁNG CHẾ

Bằng độc quyền có thể được cấp cho một sáng chế có tính mới, trình độ sáng tạo và khả năng áp dụng công nghiệp<sup>2</sup>. Bằng độc quyền chỉ được cấp cho sáng chế có khả năng ứng dụng, hoặc theo quy định của một số nước, sáng chế phải có khả năng “áp dụng vào thực tiễn”. Do vậy, một ý tưởng sáng tạo thông minh mà không thể ứng dụng vào thực tế được thì cũng sẽ không được bảo hộ (ví dụ, cỗ máy thời gian). Các nước đều quy định các yêu cầu về bảo hộ sáng chế. Ví dụ, thông thường sáng chế phải là một giải pháp kỹ thuật, nhưng không phải tất cả hệ thống pháp luật đều có định nghĩa giống nhau về thế nào là “kỹ thuật” và thế nào là không kỹ thuật.

Thời hạn bảo hộ của sáng chế thường là 20 năm kể từ ngày nộp đơn. Bằng độc quyền sáng chế trao cho chủ sở hữu quyền ngăn cấm người khác sản xuất, sử dụng, chào bán, bán hoặc nhập khẩu sáng chế được bảo hộ vào quốc gia mà sáng chế đang được bảo hộ. Nói cách khác, bằng độc quyền sáng chế mang lại quyền tài sản, cho phép chủ sở hữu quyết định xem ai được phép sử dụng sáng chế được bảo hộ. Bất kỳ ai không phải là chủ sở hữu sáng chế hoặc không được chủ sở hữu cho phép (li-xăng) mà sản xuất, sử dụng, nhập khẩu, chào bán hoặc bán sáng chế được bảo hộ sẽ bị coi là có hành vi xâm phạm quyền đối với sáng chế. Người xâm phạm quyền có thể bị kiện ra tòa để buộc ngừng hành vi xâm phạm và bồi thường thiệt hại cho chủ sở hữu sáng chế.

Bằng độc quyền sáng chế có tính lãnh thổ – nghĩa là chỉ có hiệu lực pháp lý ở những nước đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền. Mỗi quốc gia đều có chủ quyền trong việc từ chối hay cấp bằng độc quyền sáng chế. Một số trường hợp, như Cơ quan Sáng chế châu Âu (EPO), một nhóm quốc gia đã nhất trí xây dựng một hiệp ước quốc tế quy định thủ tục thẩm định đơn đăng ký sáng chế chung duy nhất. Một số quốc gia khác tham gia hiệp ước cũng chấp nhận các bằng độc quyền sáng chế được cấp bởi các quốc gia khác<sup>3</sup>. Ví dụ, một số nước là thuộc địa cũ của Anh chấp nhận bằng độc quyền sáng chế do Cơ quan Sáng chế Anh và/hoặc EPO cấp trong trường hợp Anh là nước được chỉ định trong đơn đăng ký sáng chế nộp cho EPO.

- Định nghĩa này xuất phát từ Điều 27.1 Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS). Một số nước thay cụm từ “trình độ sáng tạo” bằng cụm từ “không hiển nhiên” và thay cụm từ “khả năng áp dụng công nghiệp” bằng “tính hữu ích”. Những thuật ngữ này là đồng nghĩa nhưng không hoàn toàn giống nhau, và sẽ được bàn luận dưới đây.
- Khi áp dụng, các thủ tục cụ thể là khác nhau và người nộp đơn có thể phải thực hiện một số thủ tục khi mà đơn đầu tiên vẫn đang được xem xét. Theo đó, khi khách hàng của đại diện sáng chế muốn bảo hộ sáng chế theo con đường này, đại diện sáng chế phải biết được những thủ tục nào là cần thiết.

Dưới đây là một ví dụ. Bằng độc quyền sáng chế này (EP1242397B1) do EPO cấp ngày 29/9/2005. Tên của sáng chế là “Chất hoạt hóa Trans Olefin Glucokinase”. Mặc dù đơn được nộp vào EPO theo Hệ thống PCT vào ngày 12/12/2000 nhưng đơn có yêu cầu hưởng ngày ưu tiên theo Công ước Paris trên cơ sở đơn tạm thời số 60/170,783 nộp tại Hoa Kỳ, vào ngày 15/12/1999. Như vậy, ngày đánh xem xét trạng kỹ thuật đã biết đối với đơn này là ngày 15/12/1999. Đơn PCT này đã được công bố (số công bố quốc tế WO2001/044216) mô tả vắn tắt về sáng chế như sau:

Chất hoạt hóa 2,3-Di-substituted trans olefinic N-heteroaromatic hoặc urido proprionamide có công thức (I) với sự thay thế nêu trên tại vị trí số 2 là nhóm phenyl thay và tại vị trí 3 là vòng cycloalkyl, các proprionamide nêu trên là chất hoạt hóa glucokinase giúp làm tăng khả năng tạo ra insulin trong điều trị tiểu đường loại II.

Phần giới hạn của yêu cầu bảo hộ độc lập chính trong bằng độc quyền sáng chế của EPO viết: “Hợp chất được chọn từ một nhóm chứa a-mít ô-lê-phin trong công thức...” và kèm theo công thức hóa học mô tả chi tiết về hợp chất mới đó.